

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 01

1. *Tên nhiệm vụ:* Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. *Ngày quan trắc:* 16 – 17/01/2025

Ngày cung cấp TT: 18/01/2025

3. *Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:*

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống mở.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống mở.
4	4	Cống sông Chanh	Cống mở.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống mở.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cổ Đam	Cống mở.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống mở.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Cống đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Cống mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Cống Như Trác, Cống Hữu Bị, Cống Cốc Thành, Cống Sông Chanh, Cống Kinh Thanh, Cống Cổ Đam, Cống Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đầu kênh CG 16, Cống 3-2, Đầu kênh S17, Cầu Chủ (sông Châu Giang).

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Nhâm Tràng, Đập Vùa (CG12), Đầu kênh C9, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Bể hút trạm bơm Quý Độ, Đầu kênh T5.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên,

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên,

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cổng Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 45%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy vừa. Cổng mở lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm lấy nước lên từ kênh tưới. Nước màu vàng đục.	7.06	86.1	7.17	0.1	0.140	0.041	158	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
2	Cổng Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 47%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy vừa. Cổng mở đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.	7.02	87.2	7.28	0.1	0.132	0.045	152	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
3	Cổng Cốc	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời nắng, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 61%, gió	7.68	32.3	7.19	0.1	0.202	0.041	188	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6						
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5						
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4						
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
	Thành	thông kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	ĐB 9 km/h. Dòng chảy nhanh, công mở lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm lấy nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.									quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
4	Cống Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 56%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy vừa, công mở đang lấy nước vào nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.39	36.2	6.48	0.1	0.194	0.045	189		Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
5	Cống Nhâm Tráng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tráng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý	Trời nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 40%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy nhanh, công mở, đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.	7.49	124.4	5.95	0.2	0.350	0.036	329		Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.									
6	Công Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 40%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, công đóng. Mực nước ngoài sông thấp hơn nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.	7.34	96.7	6.02	0.2	0.295	0.052	289	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
7	Công Cổ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 41%, gió ĐB 6 km/h. Công mở lấy nước vào nội đồng. Đang bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.	7.26	83.4	6.13	0.2	0.202	0.034	276	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
8	Công Vĩnh	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời nắng, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 56%, gió	7.12	36.7	6.29	0.2	0.148	0.059	241	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Trị	thông kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	ĐB 11 km/h. Dòng chảy vừa. Cống mở lấy nước vào nội đồng. Nước màu vàng lục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định.	Trời nắng, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 61%, gió ĐB 9 km/h. Dòng chảy chậm từ hướng ngã ba sông Chanh vào. Nước màu vàng đục.	7.47	37.2	6.18	0.2	0.241	0.081	238	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt,	Trời nắng, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 52%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy rất chậm từ sông Chanh vào. Nước màu vàng lục.	7.27	35	5.57	1	0.653	1.067	1260	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.									
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 56%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy chậm từ Vĩnh Trị về. Nước màu vàng lục.	7.12	30.1	6.07	0.2	0.186	0.081	256	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 44%, gió Đông 10 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước sông Sắt thấp hơn sông Châu Giang. Nước màu vàng đục.	7	23	6.76	0.2	0.365	0.077	265	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận	Trời nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 45%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Châu Giang. Cống	7.12	34.4	6.13	0.1	0.163	0.054	168	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nước thải từ KCN Hòa Hậu.	mờ. Nước màu vàng đục.								đạt mức A
14	Cổng 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 48%, gió ĐB 11 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng đục.	7.12	47.4	6.3	0.2	0.218	0.081	324	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 22°C, gió Đông 5 km/h, độ ẩm 43%. Dòng chảy chậm, cống lấy nước từ sông Sắt vào. Nước màu vàng lục.	7.09	25.5	6.4	0.2	0.186	0.041	269	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
16	Đập Vùa (CG12)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 44%, gió ĐB 11 km/h. Không có dòng chảy, đập đóng, mực nước sông Châu Giang cao hơn. Nước màu vàng	7.28	36.7	5.67	0.3	0.365	0.047	302	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			lục.								
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 44%, gió Đông 10 km/h. Dòng chảy chậm từ hướng Hữu Bị về. Nước màu vàng đục.	7.08	64.2	7.12	0.1	0.155	0.081	168	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 41%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy chậm hướng về Cỏ Đam. Nước màu vàng đục.	7.72	36.7	5.43	0.3	0.435	0.065	369	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
19	Bể hút trạm bơm Quý Độ	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quý Độ.	Trời nắng, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 49%, gió ĐB 11 km/h. Không có dòng chảy, trạm bơm đang xây lại. Nước màu xanh xám.	7.71	78.2	5.26	0.3	0.552	0.086	482	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
20	Đầu kênh T5	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 49%, gió ĐB 11 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục. Trên mặt nước có bèo trôi.	6.96	26.7	5.33	0.4	0.482	0.106	547	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn